

Số: 301 /TCT-TCKT

V/v: Giải trình nguyên nhân chênh lệch
Báo cáo tài chính năm 2020 của TCT
Sông Đà - CTCP.

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2021

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà nội

1. Tên công ty : Tổng công ty Sông Đà
2. Mã chứng khoán : SJG
3. Địa chỉ : nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : (84-024)38541164
5. Fax : (84-024)38541161
6. Người được uỷ quyền công bố thông tin: Vũ Đức Quang
7. Người đại diện : Trần Văn Tuấn
8. Nội dung thông tin công bố:
 - 8.1 Báo cáo tài chính (BCTC) công ty mẹ và hợp nhất năm 2020 của Tổng công ty Sông Đà – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C phát hành ngày 9/4/2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.
 - 8.2 Giải trình chênh lệch số liệu, kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán trên báo cáo tài chính hợp nhất và Công ty mẹ:
 - Đối với số liệu Bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính Quý IV đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên:
 - + Đối với số liệu trên Bảng cân đối kế toán: một số chỉ tiêu chênh lệch do số liệu tại công ty con có sự thay đổi sau khi được kiểm toán, đồng thời việc loại trừ các giao dịch nội bộ giữa các công ty con với nhau, tách lợi ích cổ đông không kiểm soát dẫn đến số liệu trên Bảng cân đối kế toán sau kiểm toán thay đổi so với số liệu trong báo cáo tài chính quý IV/2020.
 - + Đối với số liệu tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:
 - (i) Báo cáo hợp nhất năm 2020, lợi nhuận trước thuế sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV/2020 do thay đổi do kết quả thay đổi từ công ty con dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh sau kiểm toán giảm so với số liệu lũy kế trên BCTC quý IV/2020.

- (ii) Báo cáo công ty mẹ, lợi nhuận trước thuế tại báo cáo sau kiểm toán là 31,669 tỷ đồng giảm 0,553 tỷ đồng so với báo cáo trước kiểm toán nguyên nhân chủ yếu do trích lập dự phòng tài chính bổ sung.
- Đối với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
- + BCTC công ty mẹ lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 31,669 tỷ đồng giảm 8,48 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 22% so với năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu: năm 2020 mức trích lập dự phòng tài chính và phải thu khó đòi tăng so với năm 2019 (năm 2020 trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 25,478 tỷ đồng và dự phòng phải thu khó đòi là 23,632 tỷ đồng; doanh thu giảm so với năm trước.
- + BCTC hợp nhất: Lợi nhuận sau thuế năm 2020 là 178,735 tỷ đồng giảm 142,74 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 45% so với năm 2019. Nguyên nhân chính: các công trình do Tổng công ty Sông Đà làm tổng thầu đã đi vào giai đoạn cuối, doanh thu giảm nên lợi nhuận giảm tương ứng; Hoạt động kinh doanh bất động sản triển khai chậm dẫn đến bán hàng chưa đạt theo kế hoạch.
9. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.songda.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin được công bố là đúng sự thật và đúng theo các quy định của luật kế toán.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu TCKT;

Người được uỷ quyền công bố thông tin



**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC BAN TCKT**

Vũ Đức Quang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 51

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 7 năm 2020 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Chế tạo và lắp đặt các thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng; Kinh doanh vật tư, thiết bị vật liệu xây dựng;
- Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi;
- Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch; điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ nổ mìn; Mua bán khoáng sản;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Khai thác và chế biến khoáng sản;
- Tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm, thi công và xử lý nền móng công trình;
- Sản xuất điện; kinh doanh điện thương phẩm;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Tổ chức nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên;
- Sửa chữa tàu thuyền;
- Xuất khẩu lao động (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép)./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 03 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Bổ nhiệm tại ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 06 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 04 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 07 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 09 tháng 09 năm 2019
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot SH06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0382/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng công ty"), được lập ngày 09 tháng 4 năm 2021, từ trang 07 đến trang 51, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.822.724.244.608	6.978.458.074.535
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	100.119.976.513	57.903.441.882
1. Tiền	111		100.119.976.513	57.903.441.882
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		115.317.637.140	170.503.718.167
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(1.064.024.110)	(877.943.083)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	95.000.000.000	150.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.533.168.219.877	6.669.964.179.059
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.899.611.214.894	2.426.438.433.221
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	126.161.449.240	157.976.009.586
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.088.724.764.043	2.912.523.636.274
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.550.075.160.202	1.280.798.258.403
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(131.404.368.502)	(107.772.158.425)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.310.730.984	7.873.436.879
1. Hàng tồn kho	141	V.8	2.310.730.984	7.873.436.879
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		71.807.680.094	72.213.298.548
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	48.278.670.567	49.837.535.909
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		23.517.992.162	21.111.373.136
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		11.017.365	1.264.389.503
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

KẾ TOÁN CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.414.399.864.905	8.154.199.736.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.000.846.489.670	1.118.127.847.724
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	257.436.340.639	346.373.250.790
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	743.410.149.031	771.754.596.934
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		850.337.854.742	886.808.545.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	850.284.021.423	886.714.058.376
<i>Nguyên giá</i>	222		1.100.810.027.115	1.102.150.521.815
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(250.526.005.692)	(215.436.463.439)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	53.833.319	94.486.942
<i>Nguyên giá</i>	228		1.714.684.123	1.714.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.660.850.804)	(1.620.197.181)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	52.571.505.543
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	52.571.505.543
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.454.712.458.099	6.037.951.241.769
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	3.915.664.290.939	3.509.267.425.514
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	2.544.735.423.010	2.508.892.247.810
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	208.311.087.205	208.311.087.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(213.998.343.055)	(188.519.518.760)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		59.653.635.639	58.740.596.445
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	59.653.635.639	58.740.596.445
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.237.124.109.513	15.132.657.811.334

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.660.283.120.855	10.580.808.755.592
I. Nợ ngắn hạn	310		6.758.179.935.263	6.477.422.396.207
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	3.344.443.943.679	3.245.714.523.310
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	37.944.371.235	43.951.140.052
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	696.794.837	706.588.432
4. Phải trả người lao động	314		6.051.098.476	6.227.363.237
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	564.451.597.275	398.873.839.137
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	9.138.077.363	9.341.409.791
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	1.213.331.087.682	1.147.470.792.814
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.580.469.301.239	1.621.567.804.574
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	1.653.663.477	3.568.934.860
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.902.103.185.592	4.103.386.359.385
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.14b	408.137.888.346	536.793.177.554
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	148.289.331.156	152.124.400.064
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	69.519.820.517	58.679.465.593
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	3.276.156.145.573	3.355.789.316.174
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.576.840.988.658	4.551.849.055.742
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	4.576.840.988.658	4.551.849.055.742
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.743.759.363	6.712.622.856
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66.726.109.295	49.765.312.886
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.057.101.652	49.765.312.886
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		31.669.007.643	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.237.124.109.513	15.132.657.811.334

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	495.537.446.335	933.153.538.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		989.166.098	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		494.548.280.237	933.153.538.533
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	460.135.137.500	878.661.003.891
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.413.142.737	54.492.534.642
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	399.406.109.560	529.125.230.312
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	283.110.879.879	329.335.456.277
Trong đó: chi phí lãi vay	23		228.827.692.753	301.452.603.868
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	76.503.669.175	123.324.639.226
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.204.703.243	130.957.669.451
12. Thu nhập khác	31	VI.6	7.150.695.225	4.023.367.582
13. Chi phí khác	32	VI.7	49.686.390.825	94.825.354.500
14. Lợi nhuận khác	40		(42.535.695.600)	(90.801.986.918)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.669.007.643	40.155.682.533
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>31.669.007.643</u>	<u>40.155.682.533</u>

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.669.007.643	40.155.682.533
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10;11	36.987.990.576	38.171.115.135
- Các khoản dự phòng	03		49.297.115.399	58.071.148.023
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	27.886.822.797	(3.271.191.929)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3;6	(399.497.555.548)	(484.307.660.660)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	228.827.692.753	301.452.603.868
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.20	6.618.410.584	6.850.410.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(18.210.515.796)	(42.877.892.446)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		461.752.886.849	269.912.155.023
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5.562.705.895	29.323.955
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(414.414.094.826)	(273.130.996.604)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		645.826.148	18.576.588.902
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(100.904.328.740)	(243.336.311.590)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(8.592.346.110)	(16.878.055.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(74.159.866.580)	(287.705.188.224)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10	(517.300.000)	(3.722.078.788)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	285.847.272	333.128.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		65.813.295.314	244.001.288.375
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		287.639.151.126	222.867.154.406
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		353.220.993.712	463.479.492.175

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	214.035.267.760	625.208.308.863		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(450.877.754.501)	(950.300.195.082)		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(236.842.486.741)</i>	<i>(325.091.886.219)</i>		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		42.218.640.391	(149.317.582.268)		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	57.903.441.882	206.398.301.098		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.105.760)	822.723.052		
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	100.119.976.513	57.903.441.882		

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

11/2/2021 10:10:10

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 06 tháng 4 năm 2018).

6. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	58,58%	68,93%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Áp Thanh Thủy, Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Do vậy, Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số nhà 16, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dừa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,35%	36,35%	36,35%
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kontum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đăk Sin, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	Xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty có 129 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 147 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

Đánh giá lại

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị định giá lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cộng thêm phần cổ tức nhận được bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phát sinh sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2018 được ghi nhận theo giá trị thị trường tại ngày này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Chi phí quản lý Ban điều hành

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Đối với các tài sản cố định hữu hình được mua sắm, xây dựng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện; doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	749.036.869	693.171.712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	99.370.939.644	57.210.270.170
Cộng	100.119.976.513	57.903.441.882

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà, chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	1.600.500.000	1.600.500.000
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.577.041.250	1.577.041.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú ⁽ⁱ⁾	18.204.120.000	18.204.120.000
Cộng	21.381.661.250	21.381.661.250

- ⁽ⁱ⁾ Giá trị ghi sổ của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	877.943.083	-
Trích lập dự phòng bổ sung	186.081.027	877.943.083
Số cuối năm	1.064.024.110	877.943.083

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	3.915.664.290.939	(77.214.000.000)	3.509.267.425.514	(93.329.620.719)
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 ⁽ⁱ⁾	64.464.000.000	(64.464.000.000)	64.464.000.000	(64.464.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 ⁽ⁱ⁾	72.975.500.000	-	72.975.500.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 ⁽ⁱ⁾	196.843.824.000	-	196.843.824.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 ⁽ⁱ⁾	339.023.100.000	-	339.023.100.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 ⁽ⁱ⁾	305.867.224.224	-	305.867.224.224	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 ⁽ⁱ⁾	417.736.289.900	-	417.736.289.900	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	(12.750.000.000)	12.750.000.000	(12.750.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	-	228.073.875.831	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến ⁽ⁱ⁾⁽ⁱⁱ⁾	981.194.316.519	-	538.954.275.894	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn ⁽ⁱ⁾	1.010.880.360.000	-	1.010.880.360.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà ⁽ⁱ⁾	15.973.200.000	-	15.973.200.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	-	222.842.600.465	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 ⁽ⁱ⁾	47.040.000.000	-	47.040.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	-	12.005.000.000	(12.005.000.000)
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà ⁽ⁱ⁾	-	-	23.838.175.200	(4.110.620.719)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	2.544.735.423.010	(131.856.251.832)	2.508.892.247.810	(90.600.000.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	(12.005.000.000)	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà ⁽ⁱ⁾	23.838.175.200	(23.838.175.200)	-	-
Công ty Cổ phần điện Việt Lào ⁽ⁱ⁾	1.107.039.446.070	-	1.107.039.446.070	-
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	128.215.909.014	(4.470.000.000)	128.215.909.014	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000	(943.076.632)	20.887.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	-	84.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà ⁽ⁱ⁾	1.065.245.494.600	-	1.065.245.494.600	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.504.398.126	-	3.504.398.126	-
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie ⁽ⁱⁱ⁾	100.000.000.000	(90.600.000.000)	100.000.000.000	(90.600.000.000)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	208.311.087.205	(4.928.091.223)	208.311.087.205	(4.589.898.041)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex ⁽ⁱ⁾⁽ⁱⁱ⁾	55.396.800.278	-	55.396.800.278	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	-	51.820.100.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh ⁽ⁱⁱ⁾	13.082.914.986	-	13.082.914.986	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000	-	1.536.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000	-	538.200.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.930.749.831	-	5.930.749.831	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Coeco	4.573.200.000	(423.244.509)	4.573.200.000	(85.051.327)
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000	(4.339.546.714)	25.724.000.000	(4.339.546.714)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	165.300.000	(165.300.000)	165.300.000	(165.300.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	35.258.322.110	-	35.258.322.110	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn ⁽ⁱⁱ⁾	6.875.500.000	-	6.875.500.000	-
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000	-	110.000.000	-
Cộng	6.668.710.801.154	(213.998.343.055)	6.226.470.760.529	(188.519.518.760)

(i) Các khoản đầu tư có giá trị ghi sổ là 5.174.201.267.494 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng.

(ii) Trong đó, các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	6.875.500.000
Cộng	57.299.220.000	57.299.220.000

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà không có hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie đang ngừng hoạt động. Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết khác hoạt động kinh doanh bình thường.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	188.519.518.760	179.962.834.592
Trích lập dự phòng	25.478.824.295	8.556.684.168
Số cuối năm	213.998.343.055	188.519.518.760

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 2	2.815.769.252	1.291.124.491
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 2	767.024.378	-
Cổ tức nhận từ Sông Đà 2	-	3.528.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 3	293.171.970	612.626.379
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 3	5.474.321.612	12.161.648.279
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 4	-	485.313.087
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 4	2.046.928.297	7.803.573.597
Lãi cho vay	1.602.029.478	2.537.446.729
Cổ tức	-	6.695.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 5	3.487.612.155	20.861.257.806
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 5	68.190.000	-
Cổ tức nhận từ Sông Đà 5	11.677.176.000	13.345.344.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 6	362.205.951	1.149.993.520
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 6	4.291.576.734	39.154.148.063
Cổ tức	6.780.462.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 9	948.454.580	640.561.444
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 9	1.532.384.689	127.966.803.793
Cổ tức	8.010.777.600	20.026.944.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)		
Doanh thu cung cấp cho Sông Đà 10	5.447.861.365	3.074.141.341
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 10	3.873.883.673	171.504.510.831
Cổ tức	10.642.962.800	10.642.962.800

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A (Sê San 3A)</i>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sê San 3A	58.466.234	92.082.272
Cổ tức	42.840.000.000	42.840.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (Nậm Chiến)</i>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Nậm Chiến	104.903.170	281.403.369
Cổ tức	77.779.867.500	51.853.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn (Cần Đơn)</i>		
Giá vốn điện thương phẩm nhận từ Cần Đơn	245.408.278.258	309.224.382.193
Cổ tức	73.838.217.600	35.161.056.000
Lãi cho vay	2.378.606.648	4.229.077.570
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (Tư vấn Sông Đà)</i>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Tư vấn Sông Đà	569.596.957	539.992.595
Chi phí nhận từ Tư vấn Sông Đà	283.014.226	556.386.289
Cổ tức	665.280.720	1.331.100.000
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (Cơ khí Lắp máy Sông Đà)</i>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Cơ khí Lắp máy Sông Đà	554.949.246	-
Lãi cho vay	315.369.829	291.862.641
<i>Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (Điện Việt Lào)</i>		
Doanh thu xây dựng cung cấp cho Điện Việt Lào	-	65.727.710.755
Lãi cho vay	77.540.564.445	74.771.449.161
<i>Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa)</i>		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho nhà Khánh Hòa	9.491.693	-
Cổ tức	-	1.044.350.000



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Phải thu của khách hàng****3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.088.588.786.932	1.562.435.113.643
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.066.084.924	222.358.108
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	3.673.772
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	-	85.820.982
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	102.594.283	493.656.684
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.302.121.882	527.673.221
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.255.808.919	2.389.215.179
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.580.598.208	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	309.316.298	309.316.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	155.939.962.851	644.550.631.237
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	69.473.515	224.836.360
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	122.384.771	122.384.771
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	481.438.926	481.438.926
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	1.120.036.661	1.120.036.661
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	10.440.863	21.634.862
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.761.504.064	3.112.502.940
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	356.768.260.616	340.556.031.554
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	562.698.760.151	565.633.303.880
Phải thu các khách hàng khác	811.022.427.962	864.003.319.578
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	37.296.961.773	70.937.848.698
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 4	60.998.470.051	63.231.823.051
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	36.710.178.637	-
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	18.415.614.002	11.089.538.000
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 – Vinacomin	378.881.468.411	438.355.829.952
Ban quản lý Dự án Thủy điện 2	28.507.591.468	28.507.591.468
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	28.487.861.334	10.734.019.094
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	10.818.141.737	10.064.707.424
Liên danh CMC/ITD/Song Đa	105.181.834.528	125.328.668.107
Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na	46.367.015.302	64.705.222.023
Các khách hàng khác	59.357.290.719	41.048.071.761
Cộng	<u>1.899.611.214.894</u>	<u>2.426.438.433.221</u>

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	151.631.727.493	166.610.538.169
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	132.629.258.849	147.608.069.525
Phải thu các khách hàng khác	105.804.613.146	179.762.712.621
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	104.532.195.510	104.532.195.510
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.272.417.636	75.230.517.111
Cộng	<u>257.436.340.639</u>	<u>346.373.250.790</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	69.308.791.025	100.540.162.636
Công ty cổ phần Sông Đà 2	-	379.359.108
Công ty cổ phần Sông Đà 3	200.000.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	13.534.073.483	30.429.344.933
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.606.373.783	13.406.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	2.747.108.285	2.792.739.636
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	260.568.300
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	33.160.667.174	47.471.776.876
Trả trước cho người bán khác	56.852.658.215	57.435.846.950
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	5.858.234.797	5.858.234.797
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	9.225.966.125
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	13.702.950.000	13.702.950.000
Công ty Cổ phần SbTech	8.713.025.756	10.165.772.066
Các nhà cung cấp khác	19.352.481.537	18.482.923.962
Cộng	<u>126.161.449.240</u>	<u>157.976.009.586</u>

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	1.029.061.089.810	952.063.637.989
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.043.332.337	1.926.420.460
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	3.533.697.997	3.210.700.766
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	1.019.456.606.265	944.899.063.552
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.059.663.674.233	1.960.459.998.285
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - vay vốn lưu động	971.009.156.984	975.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại	1.045.292.478.478	944.262.479.978
Tổng công ty LICOGI – CTCP	28.262.038.771	26.088.361.323
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sử Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Viện Kinh tế Xây dựng	100.000.000	100.000.000
Cộng	<u>3.088.724.764.043</u>	<u>2.912.523.636.274</u>

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	155.421.122.033	161.352.890.198
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	97.138.200.111	100.845.551.002
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	58.282.921.922	60.507.339.196
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	587.989.026.998	610.401.706.736
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại	587.889.026.998	610.301.706.736
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Cộng	<u>743.410.149.031</u>	<u>771.754.596.934</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5c. Thông tin liên quan đến các khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:**

	USD	EUR	Quy đổi VND
Thời hạn dưới 1 năm	1.462.756,75	34.816.040,12	1.045.292.478.478
Vay Ngân hàng NIB	-	11.769.620,25	341.895.698.642
Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	1.462.756,75	-	33.921.329.032
Vay Bộ Tài chính	-	23.046.419,87	669.475.450.804
Thời hạn trên 1 năm	25.350.971,41	-	587.889.026.998
Vay Ngân hàng ADB	25.350.971,41	-	587.889.026.998
Cộng	26.813.728,16	34.816.040,12	1.633.181.505.476

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	589.770.615.117	490.349.942.996
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>515.959.179.456</u>	<u>393.132.769.852</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	3.528.000.000	3.528.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.080.000.000	4.080.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	23.432.500.000	23.432.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	13.345.344.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	63.284.312.000	56.503.850.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	48.064.665.600	40.053.888.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	20.285.925.600	10.642.962.800
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000	735.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	106.680.000.000	72.840.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	129.632.867.500	51.853.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	35.161.056.000	35.161.056.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.330.830.720	1.331.100.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	78.046.612.000	78.046.612.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.697.410.036	1.579.457.052
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>71.958.591.695</u>	<u>97.217.173.144</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	81.320.432	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.211.006.292	229.588.170
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.116.836.930	943.835.904
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	238.194.259	113.602.424
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	380.000.000	380.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	28.956.856.828
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	246.453.580	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	21.988.834.619	22.528.609.946
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	37.665.053.523	34.682.031.791
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867	135.567.867
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	942.053.461	41.962.777
Công ty TNHH điện Xekaman 3	7.227.543.395	7.265.235.929

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	56.724.221	1.413.639.254
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1 (Chi nhánh Tây Nguyên)	137.334.225	-
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	5.426.637	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	962.157.389.051	790.448.315.407
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	29.231.130.000	35.813.790.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - Lãi và phí cho vay lại	626.530.801.316	515.828.161.994
Tạm ứng	5.817.603.287	6.260.671.340
Phải thu về cổ phần hoá	5.871.915.738	5.886.915.738
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	5.018.807.546	9.690.000.000
Giá trị khối lượng giảm trừ khi quyết toán các công trình	204.471.491.175	111.660.733.783
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	85.215.639.989	105.308.042.552
Cộng	<u>1.550.075.160.202</u>	<u>1.280.798.258.403</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Các bên liên quan	44.986.371.223	(37.903.292.747)	30.405.634.369	(30.073.534.150)
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	-	28.955.596.828	(28.955.596.828)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	37.665.053.523	(32.431.287.343)	-	-
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	3.761.504.064	(2.604.727.115)	1.450.037.541	(1.117.937.322)
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	309.316.298	(238.256.272)	-	-
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy	2.256.710.665	(2.256.710.665)	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	993.786.673	(372.311.352)	-	-
Các tổ chức và cá nhân khác	108.659.269.179	(93.501.075.755)	87.640.642.210	(77.698.624.275)
Tổng công ty Cổ phần Sông Hồng	19.763.178.000	(19.763.178.000)	19.763.178.000	(19.763.178.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	18.894.343.754	(18.894.343.754)	18.894.343.754	(18.894.343.754)
Hiệp hội Đầu tư xây dựng Năng Lượng Việt Nam	3.122.520.000	(3.122.520.000)	3.122.520.000	(3.122.520.000)
Tổng Công ty Xây dựng và phát triển Hạ tầng	19.762.038.771	(15.860.533.101)	17.588.361.323	(12.821.191.268)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sừ Pán 2	25.169.066.680	(20.390.657.591)	20.887.814.056	(16.568.251.895)
Công ty Cổ phần Bạch Đằng 10	9.225.966.125	(3.859.338.204)	-	-
Các đối tượng khác	12.722.155.849	(11.610.505.105)	7.384.425.077	(6.529.139.358)
Cộng	<u>153.645.640.402</u>	<u>(131.404.368.502)</u>	<u>118.046.276.579</u>	<u>(107.772.158.425)</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	107.772.158.425	59.135.637.653
Trích lập dự phòng bổ sung	51.858.272.935	48.636.520.772
Hoàn nhập dự phòng	(28.226.062.858)	-
Số cuối năm	<u>131.404.368.502</u>	<u>107.772.158.425</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	10.365.592	14.461.760
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.300.365.392	7.858.975.119
Cộng	2.310.730.984	7.873.436.879

9. Chi phí trả trước**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey ⁽ⁱ⁾	47.677.389.977	47.677.389.977
Chi phí thiết bị văn phòng	1.502.022	195.192.804
Chi phí thuê tư vấn dự thầu Dự án đường sắt đô thị Thành phố Hồ Chí Minh	-	1.602.316.873
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	599.778.568	362.636.255
Cộng	48.278.670.567	49.837.535.909

⁽ⁱ⁾ Là chi phí tư vấn tái cấu trúc sử dụng vốn của Tập đoàn Sông Đà giai đoạn 2010 – 2012 chờ ý kiến của Bộ Xây dựng thực hiện văn bản chỉ đạo số 1478/TTg-ĐMDN của Thủ tướng chính phủ về việc điều chỉnh phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	44.521.982.194	46.642.076.084
Chi phí công cụ dụng cụ	11.486.885	27.000.000
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp - G10	-	22.973.769
Thương hiệu Sông Đà (*)	1.184.985.596	5.924.927.912
Chi phí quản lý Ban điều hành	7.670.012.352	6.120.384.678
Chi phí sửa chữa tài sản	6.265.168.612	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	-	3.234.002
Cộng	59.653.635.639	58.740.596.445

^(*) Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định trên cơ sở thống kê các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của Tổng công ty trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (từ năm 2010 đến năm 2014). Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	682.765.059.198	88.310.489.012	48.324.860.141	11.969.999.110	270.780.114.354	1.102.150.521.815
Xây dựng cơ bản hoàn thành	216.751.000	-	-	-	300.549.000	517.300.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.857.794.700)	-	-	(1.857.794.700)
Số cuối năm	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.605.218.900	1.546.482.988	13.818.758.921	2.131.412.578	2.171.248.828	21.273.122.215
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	72.895.784.307	41.754.470.416	27.176.100.337	9.958.656.764	63.651.451.615	215.436.463.439
Khấu hao trong năm	16.868.460.686	5.697.811.761	1.723.599.572	1.016.601.507	11.640.863.427	36.947.336.953
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.857.794.700)	-	-	(1.857.794.700)
Số cuối năm	89.764.244.993	47.452.282.177	27.041.905.209	10.975.258.271	75.292.315.042	250.526.005.692
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	609.869.274.891	46.556.018.596	21.148.759.804	2.011.342.346	207.128.662.739	886.714.058.376
Số cuối năm	593.217.565.205	40.858.206.835	19.425.160.232	994.740.839	195.788.348.312	850.284.021.423

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng - - - - -
 Đang chờ thanh lý - - - - -

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 846.375.777.742 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác (website)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
Số cuối kỳ	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	337.478.200	1.187.205.923	-	1.524.684.123
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	334.824.581	1.187.205.923	98.166.677	1.620.197.181
Khấu hao trong năm	2.653.619	-	38.000.004	40.653.623
Số cuối kỳ	337.478.200	1.187.205.923	136.166.681	1.660.850.804
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.653.619	-	91.833.323	94.486.942
Số cuối kỳ	-	-	53.833.319	53.833.319

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Sửa chữa nhà G10	Sửa chữa hệ thống camera tòa HH4	Dự án Thủy điện Sekong 3	Cộng
Số đầu năm	3.722.078.788	-	48.849.426.755	52.571.505.543
Chi phí phát sinh trong năm	5.564.535.561	475.509.000	-	6.040.044.561
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(517.300.000)	-	-	(517.300.000)
Kết chuyển vào chi phí phân bổ	(8.769.314.349)	(475.509.000)	-	(9.244.823.349)
Số cuối năm	-	-	48.849.426.755	48.849.426.755

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tổng công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ tính thuế.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 5 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ và chênh lệch tạm thời có thể được khấu trừ không bị giới hạn về thời gian. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho những khoản này vì ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những lợi ích đó.

Chi tiết lỗ tính thuế chưa ghi nhận như sau:

Năm 2017	50.320.437.492
Năm 2018	393.804.910.804
Năm 2019	166.062.756.998
Năm 2020	161.126.408.871
Cộng	771.314.514.165

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán****14a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.614.560.597.857	2.564.592.961.423
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	7.374.590.516	6.075.397.587
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	180.200.612.485	216.940.484.474
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	173.971.350.221	175.171.350.221
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	164.081.687.387	146.367.517.982
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	206.754.603.855	254.210.938.479
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	328.765.968.224	332.818.575.707
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	560.904.680.180	545.049.117.109
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	484.124.017	484.124.017
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	172.001.253	247.001.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	606.933.721.460	502.919.441.008
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	10.151.740.841	11.540.009.416
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	137.098.119.879	121.372.928.666
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	-	347.894.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	4.704.958.686	4.312.748.421
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	9.699.131.134	13.665.540.823
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	1.254.400.146	1.254.400.146
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	146.980.910.227	155.397.462.078
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	7.943.757.256	9.333.789.946
Công ty TNHH Xekaman 3	13.640.090	13.640.090
Phải trả các nhà cung cấp khác	729.883.345.822	681.121.561.887
Công ty Cổ phần Lilama 10	74.581.442.186	22.624.291.227
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	49.120.624.007	48.996.358.647
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	15.609.346.335	19.058.747.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	78.594.880.627	78.594.880.627
Tổng công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam	11.038.325.974	11.038.325.974
Chi nhánh TCT Đông Bắc - Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại	40.078.793.848	53.878.793.848
Công ty Cổ phần SDP	9.074.600.607	10.244.312.557
Công ty cổ phần Sông Đà 7	71.249.214.917	51.808.619.042
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.499.926.508	30.499.926.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	91.230.233.155	87.269.247.919
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	67.205.116.399	66.297.459.122
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung	14.504.587.990	14.504.587.990
Các nhà cung cấp khác	177.096.253.269	186.306.011.202
Cộng	<u>3.344.443.943.679</u>	<u>3.245.714.523.310</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14b. Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	332.713.463.267	416.481.129.055
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.086.331.251	1.086.331.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.565.059.291	11.961.061.981
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	44.469.779.277	44.107.443.281
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	37.509.368.291	68.702.989.675
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	65.839.667.822	64.465.736.887
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	32.810.107.474	55.061.486.167
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	76.526.740.508	93.498.970.428
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.965.569.807	3.965.569.807
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.050.218.414	1.050.218.414
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	28.706.322.084	45.245.684.772
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.863.279.076	1.844.608.443
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	7.123.278.501	4.293.286.478
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	19.472.790.261	19.472.790.261
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	724.951.210	1.724.951.210
Phải trả các nhà cung cấp khác	75.424.425.079	120.312.048.499
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Sông Đà	9.836.335.606	8.671.072.191
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	21.539.104.116	50.152.431.196
Công ty Cổ phần SDP	2.110.449.851	6.712.696.739
Công ty Cổ phần SCI	8.896.709.509	8.896.709.509
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	1.231.308.050	8.836.582.286
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	8.221.887.194	8.221.887.194
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Khai khoáng Việt Bắc	6.366.471.519	6.366.471.519
Các nhà cung cấp khác	17.222.159.234	22.454.197.865
Cộng	408.137.888.346	536.793.177.554

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	30.209.026.717	31.496.104.089
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman1	7.009.634.556	8.269.230.778
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	22.359.308.483	22.359.308.483
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	-	27.481.150
Trả trước của các khách hàng khác	7.735.344.518	12.455.035.963
Ban quản lý Dự án thủy điện 4	-	2.233.353.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình nhà Quốc Hội	-	2.771.963.165
Các đối tượng khác	7.735.344.518	7.449.719.798
Cộng	37.944.371.235	43.951.140.052

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	70.211.573	1.253.372.138	9.155.571.061	(7.802.905.044)	169.505.452	-
Thuế thu nhập cá nhân	506.496.724	11.017.365	399.160.318	(508.247.792)	397.409.250	11.017.365
Thuế nhà đất	-	-	106.334.477	(106.334.477)	-	-
Tiền thuê đất			17.577.655.300	(17.577.655.300)	-	-
Các loại thuế khác	121.385.634	-	-	-	121.385.634	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.494.501	1.253.372.138	12.000.000	(12.000.000)	8.494.501	-
Cộng	706.588.432	1.264.389.503	27.250.721.156	(26.007.142.613)	696.794.837	11.017.365

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
- Hoạt động dịch vụ	10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô	5%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.669.007.643	40.155.682.533
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	45.449.737.351	94.820.742.222
- Các khoản điều chỉnh tăng	45.449.737.351	94.820.742.222
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	77.118.744.994	134.976.424.755
Thu nhập được miễn thuế	(237.125.117.204)	(301.039.181.753)
Thu nhập tính thuế	-	-
Lỗ được chuyển	160.006.372.210	(166.062.756.998)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí ban điều hành	741.921.409	305.947.446
Chi phí lãi vay	240.164.380.712	146.726.194.653
Chi phí lãi trái phiếu	299.178.082	307.726.027
Chi phí công trình xây dựng	195.943.440.691	169.688.653.375
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	127.302.676.381	81.845.317.636
Cộng	<u>564.451.597.275</u>	<u>398.873.839.137</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.138.077.363	9.341.409.791
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	148.289.331.156	152.124.400.064
Cộng	<u>157.427.408.519</u>	<u>161.465.809.855</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện của bên liên quan</i>	<i>73.365.237.977</i>	<i>75.245.915.863</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	26.305.367.767	26.985.679.003
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	31.544.180.625	32.359.978.401
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	16.277.978	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	15.499.411.607	15.900.258.459

19. Phải trả khác ngắn hạn/dài hạn**19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	224.462.277.924	202.373.912.082
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.093.041.764	1.285.342.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	168.420.093	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.515.237.846	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	272.532.734	227.303.984
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	27.750.934.434	22.794.219.802
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	-	52.548.450
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	26.858.664	159.390.000
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	186.168.885.118	173.168.885.118
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	-	51.435.000
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	13.200.000	13.200.000
Công ty TNHH điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	988.868.809.758	945.096.880.732
Kinh phí công đoàn	608.618.006	502.339.886
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	65.457.628	85.081.622
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.845.994.177	23.879.381.151
Các quỹ tự nguyện	20.524.831.544	21.186.056.497
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	403.222.633.265	368.728.907.366
Phải trả về cổ phần hoá	901.280.000	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	473.711.066.726
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	76.988.928.412	56.102.767.484
Cộng	<u>1.213.331.087.682</u>	<u>1.147.470.792.814</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	63.519.820.517	52.679.465.593
Phải trả người ủy thác đầu tư	51.299.220.000	51.299.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.220.600.517	1.380.245.593
Cộng	69.519.820.517	58.679.465.593

20. Vay ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	30.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	30.000.000.000	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	65.055.643.000	331.898.129.741
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	15.055.643.000	125.304.268.325
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	126.593.861.416
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	50.000.000.000	80.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	252.888.819	252.888.819
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.485.160.769.420	1.289.416.786.014
Ngân hàng NIB	658.715.673.898	602.365.766.857
Ngân hàng Phát triển Châu Á-vay thông thường	150.265.335.481	71.595.390.109
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	6.704.309.237	3.250.531.621
Quỹ tích lũy nợ - Bộ Tài chính	669.475.450.804	612.205.097.427
Cộng	1.580.469.301.239	1.621.567.804.574

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn bên liên quan</u>	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay ngắn hạn các cá nhân</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	-	331.898.129.741	252.888.819	1.289.416.786.014	1.621.567.804.574
Số tiền vay phát sinh trong năm	30.000.000.000	184.035.267.760	-	-	214.035.267.760
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	82.252.601.028	82.252.601.028
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(450.877.754.501)	-	-	(450.877.754.501)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	-	-	113.491.382.378	113.491.382.378
Cộng	30.000.000.000	65.055.643.000	252.888.819	1.485.160.769.420	1.580.469.301.239

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.236.156.145.573	2.322.407.726.758
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.165.964.618.092	2.248.629.785.462
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	70.191.527.481	73.777.941.296
Trái phiếu thường (*)	1.040.000.000.000	1.033.381.589.416
Mệnh giá trái phiếu	1.040.000.000.000	1.040.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu	-	(6.618.410.584)
Cộng	3.276.156.145.573	3.355.789.316.174

- (*) Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, kỳ hạn là 3 năm, mục đích phát hành để tái cơ cấu các khoản nợ. Trái chủ là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, Ngân hàng TMCP Tiên phong và Ngân hàng TMCP Bảo Việt. Lãi suất của Trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc tương đương) công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Chi nhánh Hà Nội), Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Chi nhánh Sở Giao dịch1), Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở Giao dịch) cộng biên độ 4%/năm. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD2, SD3, SD4, SD5, SD6, SD9, SDT, SJD, SJS, SDC, VCP, MPC và MEC.

Tổng công ty đã có công văn gửi Ngân hàng đề nghị gia hạn thời gian thanh toán nợ gốc Trái phiếu

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.051.841.464.189	815.685.318.616	417.781.918.194	1.818.374.227.379
Vay dài hạn các tổ chức khác	669.475.450.804	669.475.450.804	-	-
Trái phiếu thường	1.040.000.000.000	-	1.040.000.000.000	-
Cộng	4.761.316.914.993	1.485.160.769.420	1.457.781.918.194	1.818.374.227.379
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.999.619.415.345	677.211.688.587	380.773.419.930	1.941.634.306.828
Vay dài hạn các tổ chức khác	612.205.097.427	612.205.097.427	-	-
Trái phiếu thường	1.033.381.589.416	-	1.033.381.589.416	-
Cộng	4.645.206.102.188	1.289.416.786.014	1.414.155.009.346	1.941.634.306.828

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Trái phiếu thường</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	2.322.407.726.758	1.033.381.589.416	3.355.789.316.174
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(82.252.601.028)	-	(82.252.601.028)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	(3.998.980.157)	-	(3.998.980.157)
Phân bổ phí phát hành trái phiếu	-	6.618.410.584	6.618.410.584
Số cuối năm	2.236.156.145.573	1.040.000.000.000	3.276.156.145.573

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20c. Thông tin liên quan đến các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại**

	Tổng dư nợ vay	Cho Xi măng Hạ Long vay lại	Cho các Công ty con vay và sử dụng vào SXKD
Thời hạn dưới 1 năm	1.478.456.460.183	1.045.292.478.478	433.163.981.705
Vay Ngân hàng NIB	658.715.673.898	341.895.698.642	316.819.975.256
Vay ngân hàng ADB	150.265.335.481	33.921.329.032	116.344.006.449
Vay Bộ Tài chính	669.475.450.804	669.475.450.804	-
Thời hạn trên 1 năm	2.165.964.618.092	587.889.026.998	1.578.075.591.094
Vay Ngân hàng ADB	2.165.964.618.092	587.889.026.998	1.578.075.591.094
Cộng	4.989.730.394.223	2.984.013.953.621	2.005.716.440.602
Vay ngân hàng NIB	658.715.673.898	341.895.698.642	316.819.975.256
Vay Ngân hàng ADB	2.316.229.953.573	621.810.356.030	1.694.419.597.543
Vay Bộ Tài chính	669.475.450.804	669.475.450.804	-

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm	1.401.897.441	2.167.037.419	3.568.934.860
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.348.999.727	1.328.075.000	6.677.074.727
Chi quỹ trong năm	(6.240.055.555)	(2.352.290.555)	(8.592.346.110)
Số cuối năm	510.841.613	1.142.821.864	1.653.663.477

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	4.495.371.120.000	-	22.375.409.519	4.517.746.529.519
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	40.155.682.533	40.155.682.533
Trích lập các quỹ	-	6.712.622.856	(12.765.779.166)	(6.053.156.310)
Số dư cuối năm trước	4.495.371.120.000	6.712.622.856	49.765.312.886	4.551.849.055.742
Số dư đầu năm nay	4.495.371.120.000	6.712.622.856	49.765.312.886	4.551.849.055.742
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	31.669.007.643	31.669.007.643
Trích lập các quỹ	-	8.031.136.507	(14.708.211.234)	(6.677.074.727)
Số dư cuối năm nay	4.495.371.120.000	14.743.759.363	66.726.109.295	4.576.840.988.658

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
Vốn đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**22c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp*Ngoại tệ các loại*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	21.138,91	21.307,91
Euro (EUR)	0,01	0,01
Yên Nhật (¥)	6,00	6,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	116.350.151.981	513.178.513.332
<i>Trong đó: Doanh thu phát sinh</i>	<i>181.961.574.349</i>	<i>567.638.396.746</i>
<i>Doanh thu bị cắt giảm do quyết toán công trình</i>	<i>(65.611.422.368)</i>	<i>(54.459.883.414)</i>
Doanh thu bán điện	245.408.278.258	309.224.382.193
Doanh thu bán thiết bị	7.138.451.044	-
Doanh thu cho thuê văn phòng	101.160.770.524	97.871.961.160
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	25.479.794.528	12.878.681.848
Cộng	<u>495.537.446.335</u>	<u>933.153.538.533</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	113.820.787.519	506.856.874.031
Giá vốn kinh doanh điện	245.408.278.258	309.224.382.193
Giá vốn thiết bị	7.138.451.044	-
Giá vốn cho thuê văn phòng	68.891.067.887	58.635.530.891
Giá vốn dịch vụ khác	24.876.552.792	3.944.216.776
Cộng	<u>460.135.137.500</u>	<u>878.661.003.891</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	7.237.410.286	12.276.989.037
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	134.765.701	600.453.729
Lãi tiền cho vay	154.849.180.786	170.695.753.369
Cổ tức, lợi nhuận được chia	237.125.117.204	301.039.181.753
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	59.635.583	858.276.269
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.494.081.155
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	-	24.160.495.000
Cộng	<u>399.406.109.560</u>	<u>529.125.230.312</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	111.154.378.059	170.648.505.614
Chi phí lãi trái phiếu	111.054.904.110	123.953.687.670
Chi phí phát hành trái phiếu	6.618.410.584	6.850.410.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.364.353	17.514.604.389
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	27.886.822.797	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	25.664.905.322	9.434.627.251
Chi phí tài chính khác	725.094.654	933.620.769
Cộng	<u>283.110.879.879</u>	<u>329.335.456.277</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	23.901.798.931	29.766.320.813
Chi phí vật liệu quản lý	608.388.254	822.205.295
Chi phí đồ dùng văn phòng	457.058.801	1.020.101.440
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.090.013.188	6.661.695.714
Thuế, phí và lệ phí	2.768.765.669	3.645.889.835
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	23.632.210.077	48.636.520.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.862.977.542	6.872.029.729
Chi phí bằng tiền khác	18.332.817.424	15.797.768.971
Cộng	<u>77.654.029.886</u>	<u>113.222.532.569</u>
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ (xem thuyết minh V.9b)	6.083.677.678	17.557.903.966
Trích trước chi phí quản lý năm trước (xem thuyết minh V.17)	305.947.446	1.641.360.077
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay	76.503.669.175	123.324.639.226
Trích trước chi phí quản lý năm sau (xem thuyết minh V.17)	741.921.409	305.947.446
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau (xem thuyết minh V.9b)	7.670.012.352	6.120.384.678

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	285.847.272	295.736.501
Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	2.124.902.770	2.176.114.344
Phí y tế và bảo vệ công trình	4.547.221.257	-
Các khoản khác	192.723.926	1.551.516.737
Cộng	7.150.695.225	4.023.367.582

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm thuế	5.292.351	248.583
Chậm nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	44.962.369.982	93.345.073.192
Phạt hành chính	-	5.520.000
Phí y tế và bảo vệ công trình	4.547.221.257	-
Chi phí khác	171.507.235	1.474.512.725
Cộng	49.686.390.825	94.825.354.500

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay nhập gốc	-	1.726.603.847
Lãi cho vay nhập gốc	76.731.220.161	74.345.449.472
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	3.228.370.952	3.818.812.190
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	442.240.040.625	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tổng công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

		Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	629.285.909	6.000.000	-	635.285.909
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	534.645.455	6.000.000	84.000.000	624.645.455
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	548.087.727	6.000.000	-	554.087.727
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	533.483.182	6.000.000	-	539.483.182
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	358.272.213	6.000.000	-	364.272.213
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	353.352.273	6.000.000	-	359.352.273
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	67.041.818	-	-	67.041.818
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	208.000.000	6.000.000	-	214.000.000
Ban kiểm soát					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	370.260.000	6.000.000	-	376.260.000
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	174.643.864	6.000.000	48.000.000	228.643.864
Cộng		3.777.072.441	54.000.000	132.000.000	3.963.072.441
Năm trước					
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc					
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	625.212.182	8.000.000	-	633.212.182
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên/ Tổng Giám đốc	374.571.429	8.000.000	84.000.000	466.571.429
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	550.800.000	8.000.000	-	558.800.000
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	550.800.000	8.000.000	-	558.800.000
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	183.600.000	8.000.000	-	191.600.000
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	332.401.304	8.000.000	-	340.401.304
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	115.114.286	1.000.000	-	116.114.286
Ông Hoàng Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc	-	7.000.000	-	7.000.000
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	-	8.000.000	-	8.000.000
Ban kiểm soát					
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng Ban	363.589.564	8.000.000	-	371.589.564
Ông Trần Thế Anh	Thành viên từ ngày 06/6/2019	85.200.000	5.000.000	28.000.000	118.200.000
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	159.474.275	3.000.000	28.000.000	190.474.275
Ông Phạm Văn Việt	Thành viên đến ngày 06/6/2019	149.356.952	3.000.000	-	152.356.952
Cộng		3.490.119.992	83.000.000	140.000.000	3.713.119.992

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6 và V.14, V.15 và V.19.

2. Thông tin về bộ phận

2a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Tổng công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	116.350.151.981	245.408.278.258	132.789.849.998	494.548.280.237
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.350.151.981	245.408.278.258	132.789.849.998	494.548.280.237
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.529.364.462	-	31.883.778.275	34.413.142.737
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(76.503.669.175)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(42.090.526.438)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	399.406.109.560
Chi phí tài chính	-	-	-	(283.110.879.879)
Thu nhập khác	-	-	-	7.150.695.225
Chi phí khác	-	-	-	(49.686.390.825)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				31.669.007.643
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	6.040.044.561	6.040.044.561
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.095.856.380	-	32.892.134.196	36.987.990.576
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	513.178.513.332	309.224.382.193	110.750.643.008	933.153.538.533
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	513.178.513.332	309.224.382.193	110.750.643.008	933.153.538.533
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	6.321.639.301	-	48.170.895.341	54.492.534.642
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(123.324.639.226)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(68.832.104.584)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	529.125.230.312
Chi phí tài chính	-	-	-	(329.335.456.277)
Thu nhập khác	-	-	-	4.023.367.582
Chi phí khác	-	-	-	(94.825.354.500)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				40.155.682.533
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	(3.722.078.788)	(3.722.078.788)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	(31.395.545.341)	-	(6.775.569.794)	(38.171.115.135)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCPĐịa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực Xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực Thủy điện</u>	<u>Lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.701.675.107.600	63.915.101.048	953.640.510.854	4.719.230.719.502
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	10.517.893.390.011
Tổng tài sản				<u>15.237.124.109.513</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.333.844.712.715	606.933.721.460	244.819.383.399	10.185.597.817.574
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	474.685.303.281
Tổng nợ phải trả				<u>10.660.283.120.855</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	8.692.059.997.668	139.217.307.768	12.646.341.441	8.843.923.646.877
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	6.288.734.164.457
Tổng tài sản				<u>15.132.657.811.334</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.872.537.486.273	502.919.441.008	198.417.876.642	10.573.874.803.923
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	6.933.951.669
Tổng nợ phải trả				<u>10.580.808.755.592</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	481.890.848.420	572.440.264.684
Khu vực nước ngoài	12.657.431.817	360.713.273.849
Cộng	<u>494.548.280.237</u>	<u>933.153.538.533</u>

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 09 tháng 4 năm 2021

Tổng Giám đốc

**Trần Văn Tuấn**